TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/DS-ST
Ngày: 14-7-2022
V/v "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Lành.

2. Ông Nguyễn Bá Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 295/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2021 về *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H; sinh năm 1973; địa chỉ: 343 đường L, tổ 3, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bà H có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quí B, sinh năm 1971; địa chỉ: 343 đường L, tổ 3, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (theo văn bản ủy quyền ngày 20-12-2021). Ông B có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị G; sinh năm 1977; địa chỉ: 18/2 đường V, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bà G có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Quí B trình bày*:

Bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị G là chỗ quen biết với nhau. Tính đến ngày 29-9-2020, bà G còn nợ bà H các khoản tiền sau: 40.000.000 đồng tiền vay từ ngày 06-6-2018, 3.000.000 đồng tiền thuê nhà, 1.200.000 đồng tiền lãi, 1.800.000 đồng tiền điện và uống cà phê. Vì vậy, bà G viết "*Giấy nhận nợ*" ngày

29-9-2020 để xác nhận bà G còn nợ bà H 46.000.000 đồng, thời hạn trả là 3 tháng kể từ ngày 29-9-2020.

Đến ngày 31-12-2020, bà G chỉ chuyển trả cho bà H 10.000.000 đồng, mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu bà G trả 36.000.000 đồng còn lại nhưng bà G không trả, liên tục hẹn trả và né tránh.

Do vậy, bà H yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P buộc bà G có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ còn lại là 36.000.000 đồng.

Trước đây, giữa bà H và bà G thoả thuận lãi suất của các khoản vay là 3%/tháng. Ngày 06-6-2018, bà G vay của bà H 40.000.000 đồng, lãi suất theo thoả thuận là 3%/tháng; bà G đã trả cho bà H tiền lãi từ ngày 06-6-2018 đến ngày 06-7-2020 là 30.000.000 đồng.

Nay, bà G yêu cầu tính lại số tiền lãi mà bà đã trả cho bà H, ông đề nghị tính lại tiền lãi theo mức lãi suất mà Bộ luật Dân sự cho phép là 20%/năm của khoản tiền vay, như vậy số tiền lãi mà bà G phải trả cho bà H là 31.526.000 đồng, bà G đã trả cho bà H 30.0000.000 đồng tiền lãi nên bà G còn nợ bà H 1.526.000 đồng tiền lãi.

Tổng số nợ gốc và nợ lãi mà bà G phải trả cho bà H là: 36.000.000 đồng + 1.526.000 đồng = 37.526.000 đồng.

Bà H còn nợ bà G 1.6000.000 đồng (tiền của 8,5 kg cà phê) nên bà G còn nợ bà H 35.926.000 đồng.

Ông đề nghị bà G phải trả cho bà H 35.926.000 đồng trong thời hạn 1 năm kể từ ngày 30-6-2022.

Hiện nay, bà G còn để lại ở nhà bà H các tài sản sau: 1 sợi dây chuyền màu vàng bị hư móc khoá (không biết chất liệu gì), 1 cái bàn hình trái xoan và 9 ghế màu xanh, 1 tủ hồ sơ, 1 bảng hiệu bằng bạc, 2 bảng alu (trong đó có 1 bảng bị cắt ra làm hai). Trong trường hợp sợi dây chuyền màu vàng là vàng tây thì đề nghị bà G cùng với ông đến tiệm vàng để bán sợ dây chuyền lấy tiền để khấu trừ vào số tiền mà bà G còn nợ bà H.

2. Bị đơn là bà Nguyễn Thị G trình bày:

Vào khoảng tháng 6-2018, bà có vay của bà Nguyễn Thị H hai lần, mỗi lần vay 40.000.000 đồng, tổng cộng 80.000.000 đồng, lãi suất là 3%/tháng. Để đảm bảo cho hai lần vay này, bà đều phải thế chấp tài sản cho bà H. Lần thứ nhất, bà thế chấp cho bà H sợi dây chuyền chất liệu bằng vàng tây, trị giá 10.000.000 đồng, móc khóa của sợi dây này bị hỏng. Lần thứ hai, bà thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình cho bà H. Sau đó bà đã trả cho bà H 40.000.000 đồng và đã lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Số tiền 40.000.000 đồng còn nợ, bà đã khất với bà H và bà H tính lãi 1.200.000 đồng/tháng.

Tháng 5-2019, bà thuê nhà của bà H tại 343B Lê Duẩn, thành phố P, tỉnh Gia Lai để kinh doanh với tiền thuê nhà hàng tháng là 10.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 6-2020 bà trả lại nhà thuê cho bà H và gửi lại toàn bộ tài sản phục vụ cho việc kinh doanh của bà tại căn nhà thuê này vì chưa có ai thuê và được sự đồng ý của bà H. Kết thúc hợp đồng thuê nhà thì bà còn nợ bà H 3 tháng tiền thuê

nhà. Đến tháng 8-2020, bà tới chuyển đi một số tài sản nêu trên và thanh toán được 2 tháng tiền thuê nhà cho bà H, bà còn nợ 1 tháng tiền thuê nhà là 10.000.000 đồng. Nhưng trước khi kết thúc hợp đồng thuê nhà của bà H tầm 2 tháng thì bà có làm cửa kính và bà đã nói bà H nhận lại và cấn trừ vào số tiền bà còn thiếu và bà H đồng ý nhận lại với số tiền 7.000.000 đồng. Như vậy, bà còn nợ bà H 3.000.000 đồng tiền thuê nhà.

Tính đến tháng 8-2020 bà còn nợ bà H các số tiền sau đây: 40.000.000 đồng tiền vay, 3.000.000 đồng tiền thuê nhà, 1.200.000 đồng tiền lãi, 1.800.000 đồng tiền điện và uống cà phê. Đến ngày 29-9-2020, vợ chồng bà H yêu cầu bà viết lại giấy nhận nợ là 46.000.000 đồng nên bà viết "*Giấy nhận nợ*" ngày 29-9-2020 để xác nhận bà còn nợ bà H 46.000.000 đồng và hẹn đúng 3 tháng sau sẽ trả hết. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ, bà chỉ trả được cho bà H 10.000.000 đồng và bà còn nợ lại bà H 36.000.000 đồng.

Nhưng từ tháng 6-2018 đến tháng 7-2020, bà đã trả cho bà H số tiền là 30.000.000 đồng, tương đương với 25 tháng tiền lãi, lãi suất là 3%/tháng, lãi suất như vậy là quá cao. Với lãi suất 0,83%/tháng từ tháng 6-2018 đến tháng 8-2020 thì bà chỉ phải trả lãi cho bà H là 8.632.000 đồng trên khoản vay 40.000.000 đồng. Vì vậy, tính đến tháng 8-2020 bà chỉ còn nợ bà H trên khoản vay là 17.432.000 đồng, tiền thuê nhà là 3.000.000 đồng, tiền điện và uống cà phê là 1.800.000 đồng; tổng cộng bà còn nợ bà H là 22.232.000 đồng và đến ngày 31-12-2020 bà đã trả được cho bà H số tiền là 10.000.000 đồng.

Bên cạnh đó, khi bà ngừng kinh doanh, bà H có lấy của bà 8,5kg cà phê hạt nguyên chất, trị giá là 1.600.000 đồng; dây chuyền có giá trị 10.000.000 đồng; 1 bộ bàn ghế, 1 tủ hồ sơ, 1 đầu camera với giá trị là 16.050.000 đồng.

Như vậy, đối chiếu bù trừ công nợ giữa bà H và bà như sau: 22.232.000 đồng - 37.650.000 đồng = - 15.418.000 đồng. Bà yêu cầu bà H phải trả lại cho bà 15.418.000 đồng.

Tại phiên hoà giải ngày 30-6-2022, bà đồng ý tính lại tiền lãi theo mức lãi suất do Bộ luật Dân sự cho phép là 20%/năm của khoản tiền vay, như vậy tiền lãi mà bà phải trả cho bà H là 31.526.000 đồng, bà H đã nhận của bà 30.0000.000 đồng tiền lãi và đến nay bà còn nợ bà H là 1.526.000 đồng nợ lãi.

Tổng số nợ gốc và nợ lãi mà bà phải trả cho bà H là: 36.000.000 đồng + 1.526.000 đồng = 37.526.000 đồng.

Bà H còn nợ bà 1.6000.000 đồng (tiền của 8,5 kg cà phê) nên bà còn nợ bà H 35.926.000 đồng. Bà cam kết kể từ ngày 30-6-2022, mỗi tháng bà sẽ trả cho bà H 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 35.926.000 đồng.

Đồng thời đề nghị bà H trả lại cho bà các tài sản mà bà để nhà bà H gồm: 1 sợi dây chuyền bằng vàng bị hư móc khoá, 1 cái bàn hình trái xoan và 9 ghế màu xanh, 1 tủ hồ sơ, 1 bảng hiệu bằng bạc và 2 bảng alu. Ngoài ra, bà không yêu cầu thêm bất kỳ tài sản gì khác.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị G có nơi cư trú tại thành phố P nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[1.2] Về thủ tục lựa chọn hòa giải và lựa chọn Hòa giải viên: Theo Biên bản ghi nhận ý kiến của người khởi kiện về việc lựa chọn hòa giải, lựa chọn Hòa giải viên ngày 11-11-2021, bà Nguyễn Thị H không đồng ý lựa chọn hòa giải và lựa chọn Hòa giải viên. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H:

Bà Nguyễn Thị H cho bà Nguyễn Thị G vay tiền nhiều lần. Tính đến ngày 29-9-2020, bà Nguyễn Thị G còn nợ của bà Nguyễn Thị H các khoản tiền sau: 40.000.000 đồng tiền vay từ ngày 06-6-2018, 3.000.000 đồng tiền thuê nhà, 1.200.000 đồng tiền lãi, 1.800.000 đồng tiền điện và uống cà phê. Vì vậy, bà Nguyễn Thị G viết "*Giấy nhận nợ*" đề ngày 29-9-2020 để xác nhận còn nợ bà Nguyễn Thị H 46.000.000 đồng và thời hạn trả nợ là 3 tháng.

Ngày 31-12-2020, bà Nguyễn Thị G đã trả cho bà Nguyễn Thị H 10.000.000 đồng. Sau đó, bà Nguyễn Thị H đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà Nguyễn Thị G không trả 36.000.000 đồng còn lại.

Do bên vay không tự nguyện trả nợ nên bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án xử buộc bà Nguyễn Thị G phải trả cho bà Nguyễn Thị H 36.000.000 đồng theo "*Giấy nhận nợ*" ngày 29-9-2020.

Tại phiên toà, các đương sự đều thừa nhận: Tính đến nay, bà Nguyễn Thị G còn nợ bà Nguyễn Thị H 35.926.000 đồng; đồng thời, bà Nguyễn Thị G đề nghị được trả cho bà Nguyễn Thị H mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ 35.926.000 đồng.

Xét, hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị G được giao kết hợp pháp, nên nó phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng vì bà Nguyễn Thị G vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên bà Nguyễn Thị H khởi kiện là có căn cứ.

Hội đồng xét xử sẽ xử buộc bà Nguyễn Thị G phải trả cho bà Nguyễn Thị H 35.926.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu bà Nguyễn Thị G phải trả lãi của 35.926.000 đồng nêu trên, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Xét, bà Nguyễn Thị G yêu cầu được kéo dài thời gian trả nợ, nhưng không được phía bà Nguyễn Thị H chấp nhận và yêu cầu này cũng trái với các nguyên

tắc của pháp luật về dân sự, nên Hội đồng xét xử không thể thỏa mãn.

[3] Về yêu cầu phản tố của bị đơn là bà Nguyễn Thị G:

Tại phiên toà, bà Nguyễn Thị G rút toàn bộ yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị G.

[4] Bà Nguyễn Thị G để lại nhà bà Nguyễn Thị H những tài sản sau: 1 sợi dây chuyền màu vàng bị hư móc khoá (không biết chất liệu gì), 1 cái bàn hình trái xoan và 9 ghế màu xanh, 1 tủ hồ sơ, 1 bảng hiệu bằng bạc và 2 bảng alu.

Tại phiên toà, ông Nguyễn Quí B nộp cho Hội đồng xét xử 7 tấm hình chụp lại các tài sản nói trên. Bà Nguyễn Thị G thừa nhận 7 tấm hình chụp lại các tài sản mà ông Nguyễn Quí B giao nộp cho Hội đồng xét xử đã thể hiện đúng và đầy đủ các tài sản mà bà để lại nhà bà Nguyễn Thị H. Đồng thời, ông Nguyễn Quí B và bà Nguyễn Thị G đã ký xác nhận và ghi rõ họ tên vào mặt sau của 7 tấm hình mà ông Nguyễn Quí B giao nộp cho Hội đồng xét xử.

Bà Nguyễn Thị G đang để lại những tài sản trên tại nhà bà Nguyễn Thị H nên bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ giao lại cho bà Nguyễn Thị G 1 sợi dây chuyền màu vàng bị hư móc khoá (không biết chất liệu gì), 1 cái bàn hình trái xoan và 9 ghế màu xanh, 1 tủ hồ sơ, 1 bảng hiệu bằng bạc và 2 bảng alu.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố nên trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 217, Điều 218 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 274, 275, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 18 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị G phải trả cho bà Nguyễn Thị H 35.926.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị G 15.418.000 đồng.

3. Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ giao lại cho bà Nguyễn Thị G những tài sản gồm 1 sợi dây chuyền màu vàng bị hư móc khoá (không biết chất liệu gì), 1 cái bàn hình trái xoan và 9 ghế màu xanh, 1 tủ hồ sơ, 1 bảng hiệu bằng bạc và 2 bảng alu.

(Kèm theo bản án là 7 tấm hình, có chữ ký xác nhận và ghi rõ họ và tên của "*Nguyễn Quí B*" và "*Nguyễn Thị G*" ngày 14-7-2022)

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị G phải chịu 1.796.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 386.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001096 ngày 30-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; bà Nguyễn Thị G còn phải nộp 1.410.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H 900.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001018 ngày 11-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày 14-7-2022.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền